

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 30 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huệ.

2. Ông Nguyễn Bảo Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Triệu Tạ C; sinh năm 1980 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; Căn cước công dân số 002080xxxxxx, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 09/5/2021; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn A (đã chết) và bà Triệu Mùi B; có vợ là Xiêm Mùi V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/6/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Âu Đức N; sinh năm 1984 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Q do ông Đặng Ngọc H; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Triệu Văn M; sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Bà Xiêm Mùi D; sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Bà Xiêm Mùi D ủy quyền cho ông Triệu Văn M làm người đại diện hợp pháp.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Xiêm Mùi V; sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Chị Xiêm Mùi Đ; sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Chị Lò Mùi L; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2023, Triệu Tạ C đi phát rừng tại khu rừng ở gần nhà mình để trồng quế, bồ đề. Theo lời khai của C thì khu vực rừng này là đất canh tác của gia đình C vào những năm 1998 đến năm 2011 thì đất bạc màu nên bỏ canh tác để cây cỏ mọc tự nhiên. C đã bảo vợ là Xiêm Mùi V cùng đi phát rừng; C còn nhờ Lò Mùi L trú cùng thôn đi đổi công và Xiêm Mùi Đ trú tại thôn G, xã Tân Nam, huyện Quang Bình đi hộ C phát rừng, L và Đ đồng ý. Phát rừng được 02 ngày thì Đ và L nghỉ, hai vợ chồng C phát thêm 02 ngày thì xong. Hơn một tháng sau thì cây cỏ khô, C mang lửa đi đốt cháy hết toàn bộ khu rừng đã phát; sau đó cùng vợ đi dọn để chuẩn bị trồng cây quế và bồ đề thì bị cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Diện tích rừng mà Triệu Tạ C hủy hoại là 31.978m². Tổng khối lượng gỗ bị hủy hoại là 119,505m³ thuộc từ nhóm VI đến nhóm VIII. Tổng số lượng cây vầu đỉnh bị hủy hoại là 1.317 cây, có đường kính từ 02cm đến 04 cm chiều dài từ 03m đến 07m.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình có văn bản gửi Hạt Kiểm lâm huyện Q đề nghị xác định hiện trạng, chức năng rừng bị hủy hoại và đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q cung cấp thông tin thửa đất. Theo phúc đáp của Hạt Kiểm lâm huyện Q và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thì vị trí khu vực rừng bị hủy hoại là thuộc lô 17, khoảnh 18, tiểu khu 276A, chức năng là rừng sản xuất, mã loại đất loại rừng TXP (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi); thông tin về thửa đất thì khu vực rừng bị hủy hoại là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 3, tại thôn S, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang, ngày 20/12/2009 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 618501 cho hộ ông Triệu Văn M và bà Xiêm Mùi D quản lý, mục đích sử dụng đất là rừng phòng hộ. Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phương án rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch ba

loại rừng; Quyết định 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2025 thì khu vực rừng trên đã được chuyển đổi thành rừng sản xuất.

Tại bản kết luận giám định số: 23/KL-TV&PTLN của Trung tâm Tư vấn và Phát triển lâm nghiệp - Viện Điều tra, Quy hoạch rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kết luận độ tàn che diện tích rừng bị hủy hoại là: 0.38.

Theo Kết luận số 562/KL-HĐĐG ngày 31/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quang Bình thì 119,505m³ gỗ các loại có giá trị 103.017.340 đồng, 1.317 cây vầu có giá trị 3.951.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị hủy hoại là: 106.968.340 đồng (một trăm linh sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

Triệu Tạ C khai là hàng năm cùng các hộ dân trong thôn đã được nghe cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện và Ủy ban nhân dân xã tuyên truyền, phổ biến về công tác bảo vệ rừng, được ký cam kết bảo vệ rừng, nhận thức rõ khu rừng bị cáo đã phát là không được phát và đốt để trồng cây nhưng do gia đình cần có thu nhập thêm nên đã tự ý phát và đốt khu rừng này.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSQB ngày 22 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã truy tố Triệu Tạ C về tội Hủy hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Tạ C phạm tội Hủy hoại rừng; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về dân sự, bị cáo đã tự nguyện bồi thường 3.000.000 đồng, nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường thêm nên không phải giải quyết về dân sự; căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, tiêu hủy các công cụ phạm tội; miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo đã phạm tội Hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quản lý rừng của Nhà nước như bản Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Văn bản hợp nhất số 02/VBHN- TANDTC ngày 7/9/2022, Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội cũng như đánh giá toàn diện các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để ra một bản án công minh, đúng người, đúng tội, đúng quy định và cũng cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện của nguyên đơn dân sự nhất trí mức bồi

thường theo số tiền bị cáo đã nộp là 3 triệu đồng, nên không đề cập đến. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, có đơn xin miễn án phí, đề nghị áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Triệu Tạ C nhất trí với ý kiến của người bào chữa, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong văn bản về việc xin vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn dân sự có ý kiến là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo vi phạm lần đầu, gia đình bị cáo còn gặp nhiều khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, để xét xử bị cáo ở mức có tình tiết giảm nhẹ; bị cáo đã tự nguyện bồi thường 3.000.000 đồng, không đề nghị bị cáo bồi thường thêm để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và giác ngộ, sửa chữa hành vi vi phạm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và một số người làm chứng vắng mặt; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại các điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã có hành vi như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Như vậy, đủ cơ sở khẳng định vào khoảng tháng 01 năm 2023, Triệu Tạ C, do muốn chuyển đổi cây trồng để phát triển kinh tế nên bảo vợ là Xiêm Mùi V và nhờ Lò Mùi L, Xiêm Mùi Đ dùng dao và cưa máy để phát rừng trái phép, sau đó đốt với diện tích rừng là 31.978m² thuộc lô 17, khoảnh 18, tiểu khu 276A, thuộc địa phận thôn S, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là rừng gỗ tự nhiên núi đất thường xanh phục hồi, chức năng rừng sản xuất. Tổng trị giá lâm sản bị hủy hoại là 106.968.340 đồng (một trăm linh sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

[5] Hành vi của bị cáo là một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Lâm nghiệp (gồm các hành vi là chặt, phá, khai thác,

lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật), đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, ảnh hưởng xấu đến công tác phát triển và bảo vệ rừng trên địa bàn.

[6] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội Hủy hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

[7] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã tự nguyện nộp cho 3.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt chính: Do muốn chuyển đổi cây trồng để phát triển kinh tế, vì kém hiểu biết, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét bị cáo có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mà vẫn đảm bảo được sự trừng trị người phạm tội, có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên Tòa án thấy bị cáo là người làm ruộng, có thu nhập thấp, không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về dân sự: Người đại diện của nguyên đơn dân sự có ý kiến là bị cáo đã tự nguyện bồi thường 3.000.000 đồng, không đề nghị bị cáo bồi thường thêm. Căn cứ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là 3.000.000 đồng, được khấu trừ 3.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình để bồi thường thiệt hại, bị cáo đã bồi thường xong.

[11] Về vật chứng: 01 cửa xăng, 02 con dao quắm là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng trực tiếp vào việc thực hiện hành vi phạm tội, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Trong vụ án này còn có hộ ông Triệu Văn M và bà Xiêm Mùi D là người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích rừng mà bị cáo đã phát, đốt trái phép nhưng họ không biết diện tích rừng mà bị cáo hủy hoại nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình mình. Ông M, bà D không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

[13] Đối với Xiêm Mùi V, là vợ của bị cáo thì trước khi phát rừng, bị cáo không bàn bạc, thống nhất với chị V mà chỉ nói với chị V là đi phát rừng để trồng cây nên chị V đi theo. Còn Lò Mùi L, Xiêm Mùi Đ là người được bị cáo nhờ đi phát hộ rừng đôi công cho nhau, không được bàn bạc với bị cáo trước khi phát rừng. Do đó, không có căn cứ để xử lý những đối tượng này.

[14] Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

[15] Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Tạ C phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Tạ C 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Triệu Tạ C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Triệu Tạ C phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), được khấu trừ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường thiệt hại theo Biên lai thu tiền số 0001506 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, bị cáo đã bồi thường xong.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng, gồm 01 (một) máy cưa xăng, vỏ máy bằng nhựa màu đỏ, có lam xích bằng kim loại, trên thân máy có chữ và số KM5500; 01 (một) con dao quắm dài 66cm, bản dao dài 36cm, rộng 4,5cm, cán dao bằng gỗ và 01 (một) con dao quắm dài 59cm, bản dao dài 36cm, rộng 4,5cm, cán dao bằng gỗ.

(Chi tiết vật chứng thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điều 6, 12, 15 và 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng